

UBND TỈNH BẮC NINH  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP BẮC NINH**



**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO**

**NGÀNH: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

**MÃ NGÀNH: 6340122**

**TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-CĐCN ngày 12 tháng 06 năm 2025  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh)*

**Bắc Ninh - Năm 2025**

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Ngành: Thương mại điện tử (E - commerce)**

**Mã ngành: 6340122**

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

**Thời gian đào tạo:** 2.5 năm

### **1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo**

Trong những năm gần đây, với xu hướng phát triển của nền kinh tế số ở Việt Nam nói chung và lĩnh vực ngành Thương mại điện tử nói riêng. Ngành Thương mại điện tử đang là sự lựa chọn của đa số học sinh khi định hướng nghề nghiệp phát triển bản thân sau này. Ngành thương mại điện tử đào tạo sinh viên trở thành những kỹ thuật viên kinh doanh số, làm chủ công nghệ và chiến lược kinh doanh trên nền tảng kỹ thuật số. Chương trình đào tạo được thiết kế cân bằng giữa kiến thức quản trị kinh doanh và kỹ năng công nghệ, trang bị cho người học khả năng thích ứng với môi trường kinh doanh toàn cầu đang không ngừng biến đổi. Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí từ quản lý kinh doanh số, phân tích dữ liệu, quản trị website thương mại đến chuyên gia marketing số và quản lý chuỗi cung ứng trong môi trường số. Trường đầu tư cơ sở vật chất hiện đại với phòng thực hành mô phỏng môi trường kinh doanh thực tế, kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành dự án và thực tập tại doanh nghiệp.

### **2. Mục tiêu đào tạo:**

#### **2.1. Mục tiêu chung**

- Chương trình đào tạo cao đẳng ngành “Thương mại điện tử” nhằm đào tạo nhân lực kỹ thuật làm việc trong lĩnh vực thương mại điện tử

- Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng: Độc lập thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh về thương mại điện tử, có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm; vận dụng được những kiến thức kinh doanh thương mại, kiến thức công nghệ thông tin, kiến thức pháp luật để thực hiện công việc; có khả năng sáng tạo, ứng dụng các công nghệ để giải quyết các tình huống kỹ thuật phức tạp trong nghiệp vụ của mình. Phát hiện, giải quyết kịp thời các vấn đề về bảo mật, an toàn thông tin trên mạng;

- Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo trong lĩnh vực thương mại điện tử như: quản trị website, marketing số, phân tích dữ liệu, vận hành sàn thương mại điện tử, xử lý đơn hàng và giao dịch trực tuyến

- Có kỹ năng tư duy phân biện và giải quyết vấn đề trong môi trường kinh doanh số. Sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ và phần mềm chuyên dụng cho hoạt động thương mại điện tử

- Có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi công nghệ và xu hướng thị trường trong lĩnh vực kinh doanh số

- Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe, tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn;

- Người có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng nghề “Thương mại điện tử” có thể làm việc tại các công ty, doanh nghiệp, sàn thương mại điện tử hoặc có thể tự tạo việc làm về các lĩnh vực kinh doanh số trong nền kinh tế số hiện nay.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

+ Kiến thức:

Trình bày được các chuẩn mực kế toán và quy tắc về thương mại điện tử trong nền kinh tế số

Mô tả được chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp thương mại điện tử

- Xác định được vị trí, vai trò của thương mại điện tử trong nền kinh tế số

- Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong doanh nghiệp thương mại điện tử và mối quan hệ giữa các bộ phận

- Vận dụng được các văn bản pháp luật liên quan đến ngành thương mại điện tử và bảo vệ người tiêu dùng

- Trình bày được các khái niệm về thương mại điện tử, cấu trúc website thương mại điện tử và các giải pháp thanh toán trực tuyến

- Trình bày được quy trình quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử và quy trình vận hành cửa hàng trực tuyến

- Mô tả được quy trình marketing số và phương pháp xây dựng chiến lược kinh doanh trực tuyến

- Trình bày được quy trình phân tích dữ liệu lớn (Big Data) và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong thương mại điện tử

- Nắm vững các phương pháp bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu trong giao dịch trực tuyến

- Mô tả được các công nghệ mới ứng dụng trong thương mại điện tử như blockchain, IoT

- Trình bày được phương pháp quản lý chuỗi cung ứng và logistics cho thương mại điện tử

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định

**\*Chuyên ngành đào tạo chuyên sâu: (TM01) - Kinh doanh và quản lý chuỗi cung ứng:**

- Trình bày được ý nghĩa các thông số cài đặt trong các hệ thống quản lý chuỗi cung ứng thông dụng.

- Trình bày được quy trình kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chỉnh các hệ thống quản lý chuỗi cung ứng.

- Trình bày được quy trình kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chỉnh các hệ thống quản lý kho và logistics.
- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các loại hệ thống ERP trong thương mại điện tử.

**\*Chuyên ngành đào tạo chuyên sâu: (TM02) - Thiết kế giao diện người dùng và Marketing số:**

- Trình bày được quy trình kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chỉnh các hệ thống website thương mại điện tử.
- Đọc và hiểu sơ đồ nguyên lý, nguyên lý hoạt động và sơ đồ thiết kế giao diện người dùng.
- Trình bày được quy trình kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chỉnh các thiết bị thương mại điện tử và tự động hóa.
- Trình bày được tổng quan về hệ thống CRM và Digital Marketing.
- Trình bày được các quy trình và nguyên tắc thiết kế, điều khiển và thu thập dữ liệu khách hàng.
- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các loại công cụ phân tích web.
- Trình bày được quy trình kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chỉnh các thiết bị thương mại điện tử và tự động hóa.

**+ Kỹ năng:**

- Xây dựng và vận hành được website thương mại điện tử đáp ứng yêu cầu kinh doanh và trải nghiệm người dùng
- Thiết lập và quản lý được quy trình giao dịch trực tuyến từ đặt hàng đến giao nhận
- Triển khai được các giải pháp thanh toán điện tử an toàn và hiệu quả
- Thực hiện được các chiến lược marketing số và tối ưu hóa công cụ tìm kiếm (SEO)
- Quản trị được nội dung và tương tác với khách hàng trên các nền tảng mạng xã hội
- Phân tích được dữ liệu khách hàng để đưa ra quyết định kinh doanh phù hợp
- Xây dựng được chiến lược quản lý quan hệ khách hàng (CRM) trên nền tảng số
- Quản lý được chuỗi cung ứng và quy trình logistics trong thương mại điện tử
- Triển khai được các giải pháp bảo mật thông tin và tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu khách hàng
- Phát triển được các ứng dụng di động hỗ trợ thương mại điện tử ở mức cơ bản
- Thiết kế và phân tích được trải nghiệm người dùng (UX/UI) trên các nền tảng thương mại điện tử

- Áp dụng được các công nghệ mới như AI, Big Data, Blockchain vào hoạt động kinh doanh trực tuyến
- Thực hiện được các hoạt động đo lường, đánh giá hiệu quả kinh doanh trực tuyến
- Lập và triển khai được kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử.

**\*Chuyên ngành đào tạo chuyên sâu: (TM01) - Kinh doanh và quản lý chuỗi cung ứng:**

- Thiết lập hệ thống quản lý kho đúng quy trình, hệ thống hoạt động tốt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Bảo dưỡng hệ thống quản lý kho đúng quy trình, hệ thống hoạt động tốt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Vận hành được hệ thống ERP theo đúng quy trình kỹ thuật và an toàn.
- Kỹ năng quản lý chuỗi cung ứng như tối ưu hóa kho, phân phối sản phẩm.
- Thực hiện đúng quy trình kiểm tra, bảo trì định kỳ và sửa chữa các thiết bị thương mại điện tử và tự động hóa.

**\*Chuyên ngành đào tạo chuyên sâu: (TM02) - Thiết kế giao diện người dùng và Marketing số:**

- Thiết lập hệ thống website thương mại điện tử đúng quy trình, hệ thống hoạt động tốt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Kỹ năng quản lý hệ thống website thương mại điện tử đúng quy trình, hệ thống hoạt động tốt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Kỹ năng thiết lập truyền thông giữa các thiết bị trong thương mại điện tử.
- Viết và nạp được chương trình kết nối với dữ liệu khách hàng và phân tích web.
- Quản lý, giám sát các thông số của hệ thống tự động hóa, chuẩn đoán khắc phục các sự cố của hệ thống tự động thông qua CRM, Digital Marketing.
- Vận hành được công cụ phân tích web theo đúng quy trình kỹ thuật và an toàn.
- Kỹ năng lập trình thiết kế giao diện như tối ưu hóa UX/UI, cá nhân hóa trải nghiệm.

Thực hiện đúng quy trình kiểm tra, bảo trì định kỳ và sửa chữa các thiết bị thương mại điện tử và tự động hóa.

**3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Quản trị website thương mại điện tử
- Vận hành cửa hàng trực tuyến

- Marketing số và quản lý nội dung số
- Quản lý dự án thương mại điện tử
- Phân tích dữ liệu kinh doanh trực tuyến
- Quản lý chuỗi cung ứng và logistics cho thương mại điện tử
- Chăm sóc khách hàng trực tuyến
- Phát triển ứng dụng kinh doanh trực tuyến cơ bản
- Tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp
- Khởi nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử

#### **4. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học:**

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 3066/131 (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 29
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435/19 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 2631/112 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 935 (giờ); thực hành, thực tập: 1944 (giờ)

#### **5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề**

| <b>TT</b> | <b>Mã năng lực</b>                            | <b>Tên năng lực</b>                                     |
|-----------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Năng lực cơ bản (năng lực chung)</b>       |                                                         |
| 1         | NLCB-01                                       | Năng lực giao tiếp và làm việc nhóm                     |
| 2         | NLCB-02                                       | Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản            |
| <b>II</b> | <b>Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)</b> |                                                         |
| 3         | NLCL-01                                       | Năng lực xây dựng và quản lý website thương mại điện tử |
| 4         | NLCL-02                                       | Năng lực tổ chức hoạt động kinh doanh trực tuyến        |
| 5         | NLCL-03                                       | Năng lực triển khai giải pháp thanh toán điện tử        |
| 6         | NLCL-04                                       | Năng lực quản trị bán hàng đa kênh                      |
| 7         | NLCL-05                                       | Năng lực quản lý logistics và chuỗi cung ứng số         |
| 8         | NLCL-06                                       | Năng lực bảo mật thông tin và tuân thủ pháp lý          |

|            |                          |                                                                                |
|------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 9          | NLCL-07                  | Năng lực quản trị nội dung số                                                  |
| 10         | NLCL-08                  | Năng lực chăm sóc khách hàng trực tuyến                                        |
| <b>III</b> | <b>Năng lực nâng cao</b> |                                                                                |
| 11         | NLNC-01                  | Năng lực quản trị chuỗi cung ứng và logistics thông minh                       |
| 12         | NLNC-02                  | Năng lực thiết kế trải nghiệm người dùng và triển khai chiến lược marketing số |

#### 6. Nội dung chương trình:

| TT | Mã MH, MD   | Tên môn học, mô đun                                          | Số TC      | Thời gian đào tạo (giờ) |            |             |            |
|----|-------------|--------------------------------------------------------------|------------|-------------------------|------------|-------------|------------|
|    |             |                                                              |            | Trong đó                |            |             |            |
|    |             |                                                              |            | Tổng giờ                | LT         | TH          | KT         |
|    | <b>I</b>    | <b>Các môn học chung</b>                                     | <b>19</b>  | <b>435</b>              | <b>157</b> | <b>255</b>  | <b>23</b>  |
| 1  | MH 01       | Giáo dục chính trị                                           | 5          | 75                      | 41         | 29          | 5          |
| 2  | MH 02       | Pháp luật                                                    | 2          | 30                      | 18         | 10          | 2          |
| 3  | MH 03       | Giáo dục thể chất                                            | 2          | 60                      | 5          | 51          | 4          |
| 4  | MH 04       | Giáo dục quốc phòng và an ninh                               | 3          | 75                      | 36         | 35          | 4          |
| 5  | MH 05       | Tin học                                                      | 3          | 75                      | 15         | 58          | 2          |
| 6  | MH 06       | Tiếng Anh                                                    | 4          | 120                     | 42         | 72          | 6          |
|    | <b>II</b>   | <b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>                        | <b>112</b> | <b>2631</b>             | <b>778</b> | <b>1689</b> | <b>164</b> |
|    | <b>II.1</b> | <b>Môn học, mô đun cơ sở</b>                                 | <b>41</b>  | <b>681</b>              | <b>366</b> | <b>249</b>  | <b>66</b>  |
| 7  | MD 07       | Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên | 1          | 36                      | 6          | 22          | 8          |

|    |               |                                                                               |           |             |            |             |           |
|----|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------|-------------|-----------|
| 8  | MH 08         | Pháp luật thương mại điện tử                                                  | 3         | 45          | 29         | 12.5        | 3.5       |
| 9  | MH 09         | Thương mại điện tử                                                            | 4         | 60          | 40         | 14          | 6         |
| 10 | MH 10         | Kinh tế vi mô                                                                 | 4         | 60          | 38         | 16          | 6         |
| 11 | MH 11         | Kinh tế vĩ mô                                                                 | 3         | 45          | 29         | 11.5        | 4.5       |
| 12 | MH12          | Nguyên lý kế toán                                                             | 5         | 75          | 42         | 23          | 10        |
| 13 | MĐ13          | Thiết kế đồ họa                                                               | 5         | 120         | 30         | 80          | 10        |
| 14 | MH14          | Phân tích dữ liệu kinh doanh                                                  | 4         | 60          | 40         | 15          | 5         |
| 15 | MH15          | Nghiệp vụ thương mại                                                          | 6         | 90          | 52         | 32          | 6         |
| 16 | MH16          | Tài chính doanh nghiệp                                                        | 6         | 90          | 60         | 23          | 7         |
|    | <b>II.2</b>   | <b><i>Môn học, mô đun chuyên môn</i></b>                                      | <b>62</b> | <b>1740</b> | <b>337</b> | <b>1325</b> | <b>78</b> |
| 17 | MH17          | Ứng dụng Tiếng Anh thương mại                                                 | 6         | 90          | 50         | 32          | 8         |
| 18 | MĐ18          | Thiết kế, xây dựng và quản trị website                                        | 5         | 120         | 30         | 80          | 10        |
| 19 | MĐ19          | Nghiệp vụ Logistics                                                           | 4         | 90          | 30         | 50          | 10        |
| 20 | MĐ20          | Marketing số                                                                  | 5         | 120         | 45         | 65          | 10        |
| 21 | MH 21         | Thanh toán điện tử                                                            | 6         | 90          | 52         | 32          | 6         |
| 22 | MĐ22          | Nghiệp vụ hải quan                                                            | 4         | 90          | 30         | 50          | 10        |
| 23 | MĐ23          | Thiết kế đa phương tiện                                                       | 4         | 90          | 30         | 52          | 8         |
| 24 | MH24          | Kinh doanh số                                                                 | 4         | 60          | 40         | 14          | 6         |
| 25 | MĐ25          | Quản trị chuỗi cung ứng                                                       | 4         | 90          | 30         | 50          | 10        |
| 26 | MĐ26          | Thực tập tốt nghiệp                                                           | 15        | 675         |            | 675         |           |
| 27 | MĐ27          | Khóa luận tốt nghiệp                                                          | 5         | 225         |            | 225         |           |
|    | <b>II.3</b>   | <b><i>Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao</i></b>                               | <b>9</b>  | <b>210</b>  | <b>75</b>  | <b>115</b>  | <b>20</b> |
|    | <b>II.3.1</b> | <b><i>Thương mại điện tử (TM01): Kinh doanh và quản lý chuỗi cung ứng</i></b> |           |             |            |             |           |
| 28 | MĐ28          | Quản trị rủi ro trong thương mại điện tử                                      | 4         | 90          | 30         | 50          | 10        |

|                  |               |                                                                                        |            |             |            |             |            |
|------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------|-------------|------------|
| 29               | MĐ29          | Quản trị kho bãi và vận chuyển số                                                      | 5          | 120         | 45         | 65          | 10         |
|                  | <b>II.3.2</b> | <b><i>Thương mại điện tử (TM02): Thiết kế giao diện người dùng và Marketing số</i></b> |            |             |            |             |            |
| 30               | MĐ28          | Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (CRM)                                              | 4          | 90          | 30         | 50          | 10         |
| 31               | MĐ29          | Thiết kế giao diện người dùng (UX/UI)                                                  | 5          | 120         | 45         | 65          | 10         |
| <b>Tổng cộng</b> |               |                                                                                        | <b>131</b> | <b>3066</b> | <b>935</b> | <b>1944</b> | <b>187</b> |

## **7. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

### **7.1. Hướng dẫn việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc**

- Các môn học chung bắt buộc được thực hiện theo quy định hiện hành
- Khoa/bộ môn phụ trách các môn học chung có trách nhiệm xây dựng đề cương chi tiết, tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá các môn học này.
- Nội dung các môn học chung bắt buộc có thể được điều chỉnh, cập nhật khi có hướng dẫn mới từ các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

### **7.2. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun/tín chỉ**

- Chương trình đào tạo được thiết kế theo phương thức tích lũy tín chỉ, tổng cộng 131 tín chỉ.
- Người học phải tích lũy đủ số tín chỉ quy định theo đúng chương trình đào tạo và đạt các điều kiện theo quy chế đào tạo của Trường để được công nhận tốt nghiệp.
- Thời gian học tập theo kế hoạch là 2.5 năm
- Khi xây dựng kế hoạch đào tạo cần chú ý đến tính tiên quyết, học trước, song hành của các môn học, mô đun.
- Kế hoạch giảng dạy nên sắp xếp các môn học, mô đun cơ sở vào các học kỳ đầu, các môn học, mô đun chuyên môn vào các học kỳ sau.

### **7.3. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo với nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến**

- Các môn học, mô đun có thể tổ chức giảng dạy trên nền tảng số tối đa 30% khối lượng, bao gồm:
  - Các môn học lý thuyết: Pháp luật thương mại điện tử, Thương mại điện tử, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý kế toán, Tài chính doanh nghiệp.
  - Phần lý thuyết của các mô đun thực hành.

- Việc tổ chức giảng dạy trên nền tảng số phải đảm bảo đủ điều kiện về cơ sở vật chất, phần mềm, hệ thống quản lý học tập (LCMS) để hỗ trợ giảng dạy và học tập.
- Đảm bảo có đầy đủ các công cụ đánh giá, kiểm soát chất lượng học tập trực tuyến.

#### **7.4. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa**

- Ngoài các môn học, mô đun trong chương trình, Nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm giúp người học phát triển toàn diện:
- Các hoạt động ngoại khóa được tổ chức nằm ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

#### **7.5. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá**

- Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường và quy định hiện hành.
- Điểm đạt yêu cầu: từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10

#### **7.6. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp**

- Người học phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo (131 tín chỉ).
- Hoàn thành các môn học chung bắt buộc theo quy định.
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của Trường.
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí và các nghĩa vụ khác theo quy định.
- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.